

Số: 53/2021/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

*Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003; Pháp lệnh sửa đổi
Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2003 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh
Dân số; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị
định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi khoản
6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;*

*Xét Tờ trình số 1771/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chính
sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2021. /*Đh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Tổng cục Dân số-KHHGD;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ công tác dân số
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030**
(Kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030.
2. Các chính sách về dân số khác không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người dân thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống y tế, cán bộ không chuyên trách phụ trách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình ở xã, phường, thị trấn và công tác viên Dân số - Kế hoạch hoá gia đình của xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Một đối tượng được xem xét hưởng nhiều nội dung hỗ trợ của Quy định này khi phù hợp đối tượng và điều kiện riêng của từng nội dung hỗ trợ.
2. Các đối tượng sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí thực hiện các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

1. Hỗ trợ kinh phí mua các phương tiện tránh thai

- a) Đối tượng hỗ trợ: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thuộc hộ nghèo có nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai.
- b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí mua các phương tiện tránh thai để chủ động sinh con, kế hoạch hoá gia đình (gồm que cấy tránh thai, dụng cụ tử cung tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai).

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% số kinh phí mua phương tiện tránh thai theo giá được cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thực hiện. Mỗi đối tượng được

hỗ trợ một loại phương tiện tránh thai do đối tượng tự lựa chọn và đăng kí.

d) Điều kiện hỗ trợ:

Người được hỗ trợ có giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc có thẻ bảo hiểm y tế người nghèo hoặc có tên trong danh sách hộ nghèo thuộc Quyết định công nhận hộ nghèo hằng năm của địa phương tại thời điểm thực hiện.

Người được hỗ trợ có tên trong danh sách đăng ký sử dụng các biện pháp tránh thai tại trạm Y tế xã/phường/thị trấn do Trung tâm Y tế huyện/ thành phố xác nhận tại thời điểm thực hiện.

2. Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

a) Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thuộc hộ nghèo có nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai lâm sàng (gồm: triệt sản, cấy thuốc tránh thai, đặt dụng cụ tử cung tránh thai, tiêm thuốc tránh thai).

b) Nội dung: Hỗ trợ kinh phí thực hiện các biện pháp tránh thai (bao gồm chi phí dịch vụ kỹ thuật; dịch vụ xét nghiệm máu; dịch vụ siêu âm tử cung, phân phụ; dịch vụ ngày giường bệnh).

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% số kinh phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo giá dịch vụ được cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thực hiện. Mỗi đối tượng được hỗ trợ một loại biện pháp tránh thai do đối tượng tự lựa chọn và đăng kí.

d) Điều kiện hỗ trợ:

Người được hỗ trợ có giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc có thẻ bảo hiểm y tế người nghèo hoặc có tên trong danh sách hộ nghèo thuộc Quyết định công nhận hộ nghèo hằng năm của địa phương tại thời điểm thực hiện.

Người được hỗ trợ có tên trong danh sách đăng ký sử dụng các biện pháp tránh thai tại cơ sở Y tế địa phương do Trung tâm Y tế huyện/thành phố xác nhận tại thời điểm thực hiện.

Thực hiện dịch vụ tại các cơ sở Y tế công lập.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh.

a) Đối tượng hỗ trợ: Phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo có nhu cầu thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh (bao gồm: dịch vụ siêu âm tầm soát dị tật thai để sàng lọc trước sinh, dịch vụ xét nghiệm máu mẹ để sàng lọc trước sinh).

c) Mức hỗ trợ 90.000 đồng/phụ nữ thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh.

d) Điều kiện hỗ trợ:

Người được hỗ trợ có giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc có thẻ bảo hiểm y tế người nghèo hoặc có tên trong danh sách hộ nghèo thuộc Quyết định công nhận hộ nghèo hằng năm của địa phương tại thời điểm thực hiện.

Thực hiện dịch vụ tại các cơ sở Y tế công lập.

2. Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sơ sinh.

a) Đối tượng hỗ trợ: Trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo có nhu cầu thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sơ sinh.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sơ sinh (bao gồm: Chi phí giấy thấm và phong bì gửi mẫu; Vật tư tiêu hao lấy mẫu sàng lọc sơ sinh; dịch vụ xét nghiệm máu sàng lọc sơ sinh ba đến năm bệnh cơ bản; chi phí vận chuyển mẫu máu từ địa phương đến cơ sở thực hiện xét nghiệm sàng lọc).

c) Mức hỗ trợ: 109.000 đồng/trẻ thực hiện dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sơ sinh.

d) Điều kiện hỗ trợ:

Gia đình trẻ được hỗ trợ có giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc có thẻ bảo hiểm y tế người nghèo hoặc có tên trong danh sách hộ nghèo thuộc Quyết định công nhận hộ nghèo hằng năm của địa phương tại thời điểm thực hiện.

Thực hiện dịch vụ tại các cơ sở Y tế công lập.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác truyền thông tư vấn vận động về thực hiện chính sách dân số

1. Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ không chuyên trách phụ trách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình ở xã, phường, thị trấn và cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hoá gia đình của xóm, tổ dân phố.

2. Nội dung: Hỗ trợ kinh phí thực hiện in ấn, nhân bản sản phẩm mẫu, sách nhỏ cầm tay về cập nhật chính sách, kiến thức dân số.

3. Mức hỗ trợ: Theo giá dịch vụ tại thời điểm thực hiện. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 quyển/năm.

4. Điều kiện hỗ trợ:

Quy trình in ấn, nhân bản, quản lý, cấp phát theo đúng quy định.

Danh sách đối tượng được hỗ trợ do cơ quan quản lý xác nhận.

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí thực hiện thu tin biến động dân số vào kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số

1. Đối tượng hỗ trợ: Cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hoá gia đình của xóm, tổ dân phố.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí in ấn phiếu thu tin biến động dân số và công thu tin biến động dân số.

3. Mức hỗ trợ:

In phiếu thu tin biến động dân số: 15 phiếu/người/năm (theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện).

Hỗ trợ công thu tin biến động dân số: 5.000 đ/phiếu thu tin.

4. Điều kiện hỗ trợ:

Quy trình in ấn, nhân bản, quản lý, cấp phát phiếu thu tin biến động dân số theo đúng quy định.

Danh sách đối tượng được hỗ trợ do cơ quan quản lý xác nhận.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030 được xác định từ nguồn ngân sách địa phương bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm./.